

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/04/2020

V/v: “Không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Định Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Hằng

2. Ông Trần Vĩnh Trung

Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn xét xử công khai vụ án thụ lý số: 38/2020/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đàm Thị Đ- sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông;

- Bị đơn: Anh Lò Văn H - sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2020 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đàm Thị Đ trình bày:

Chị và anh Lò Văn H chung với nhau trên cơ sở tự nguyện và tổ chức cưới theo phong tục về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay tại địa phương Thôn T, xã E, huyện B. Do không hiểu pháp luật về hôn nhân nên chị và anh H không đăng ký kết hôn theo quy định.

Trong quá trình chung sống như vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, do tính tình không hợp, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, tình cảm không thể hàn gắn được. Do đó, từ đầu năm 2019 chị bỏ về sống với bố mẹ tại Thôn 9, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông cho đến nay.

- Về con chung: Quá trình chung sống với nhau có 02 con chung tên là Lò Phúc Th – Sinh ngày 15/04/2006 và Lò Thùy Tr – Sinh ngày 19/05/2012, hiện tại anh Lò Văn H đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con và chị cũng đồng ý giao hai con cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị nhận cấp dưỡng theo khả năng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống có tạo dựng được ít tài sản nhưng chị và anh H đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Lò Văn H.

Tại bản tự khai đề ngày 02/03/2020 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Lò Văn H trình bày: Anh H thống nhất với trình bày của chị Đ về thời điểm xác lập đời sống chung, điều kiện, hoàn cảnh, tình trạng đời sống chung.

Anh thừa nhận có chung sống với chị Đàm Thị Đ từ năm 2006 cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Nay chị Đ kiên quyết giải quyết tại Tòa án, anh chấp nhận giải quyết không công nhận vợ chồng với chị Đàm Thị Đ.

- Về con chung: Các con chung là cháu Lò Phúc Th – sinh ngày 15/4/2006, và cháu Lò Thùy Tr – sinh ngày 19/5/2012 anh nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống có tạo dựng được ít tài sản nhưng anh chị đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25/02/2020 Ủy ban nhân dân xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn xác nhận trong đơn của chị Đàm Thị Đ về tình trạng hôn nhân: “chị Đ và anh H chung sống như vợ chồng từ năm 2006, chưa đăng ký kết hôn tại địa phương”.

Biên bản xác minh ngày 11/03/2020 và biên bản xác minh ngày 24/03/2020 được chính quyền địa phương và ban tự quản thôn cung cấp thông tin như sau: Chị Đ và anh H là công dân sinh sống tại thôn T, xã El, huyện B. Anh chị chung sống với nhau từ năm 2006 đến nay, không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nhiều năm nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xung đột và đã ly thân. Chị Đ chuyển về nhà mẹ đẻ tại Thôn 9, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông sinh sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc tuân theo phát luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp không công nhận vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Chị Đ và anh H đều có lời khai thống nhất, phù hợp với tài liệu chứng cứ thể hiện xác lập đời sống chung từ năm 2006. Vì vậy Tòa án huyện Buôn Đôn xác định quan hệ giữa chị Đ và anh H không phải là quan hệ vợ chồng là có căn cứ.

- Về con chung: Chị Đ và anh H có các con chung là Lò Phúc Th – sinh ngày 15/4/2006, và cháu Lò Thùy Tr – sinh ngày 19/5/2012, còn đang đi học, có nguyện vọng ở với anh H, đề nghị Tòa án giao cháu cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu đến trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống có tạo dựng được ít tài sản nhưng chị Đ và anh H đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lò Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bị đơn không có đơn phản tố trong thời hạn luật định, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định pháp luật.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị Đóa, không chấp nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đàm Thị Đ và anh Lò Văn H.

- Về con chung: Cháu Lò Phúc Th – sinh ngày 15/4/2006, và cháu Lò Thùy Tr – sinh ngày 19/5/2012, các cháu có nguyện vọng ở với anh Lò Văn H, cần giao các cháu cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến trưởng thành

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống có tạo dựng được ít tài sản nhưng chị Đ và anh H đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn chị Đàm Thị Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lò Văn H có nơi cư trú và hiện ở tại thôn Tân Phú, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, nên nguyên đơn chị Đàm Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn giải quyết không công nhận vợ chồng. Theo quy định tại Khoản 7 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh H chung sống tại địa phương từ năm 2006 được Ủy ban nhân dân xã Ea Nuôl xác nhận không đăng ký kết hôn tại địa phương và không kết hôn với ai. Anh H và chị Đ không làm thủ tục đăng ký kết hôn là trái quy định pháp luật, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đàm Thị Đ và anh Lò Văn H.

Tình trạng chung sống vợ chồng giữa chị Đ và anh H là trầm trọng, không thương yêu quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống; mặc dù đã được gia đình hoà giải nhiều lần, nhưng anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau nên đời sống chung không thể tiếp tục; mục đích hôn nhân không đạt được do tình nghĩa vợ chồng không còn, không bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng; không tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau, không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt. Vì vậy, chị Đàm Thị Đ đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Lò Văn H là vợ chồng là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị Đàm Thị Đ và anh Lò Văn H có con chung là các cháu Lò Phúc Th – sinh ngày 15/4/2006, và cháu Lò Thùy Tr – sinh ngày 19/5/2012, các cháu có nguyện vọng ở với anh Lò Văn H, cần giao các cháu cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đàm Thị Đ và anh Lò Văn H không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản, và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đàm Thị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Đàm Thị Đ và anh Lò Văn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đàm Thị Đ và anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Phúc Th – sinh ngày 15/4/2006 và cháu Lò Thùy Tr – sinh ngày 19/5/2012 cho anh Lò Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đàm Thị Đ và anh Lò Văn H không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đàm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000584 ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn. Chị Đ đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đàm Thị Đ và anh Lò Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

+ Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn;
- Lưu HS - VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Huỳnh Định Tĩnh